

Phụ lục

**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 169/2026/NĐ-CP
NGÀY 15 THÁNG 05 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ
PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN**

(Ban hành kèm theo công văn số: /CHQ-PC ngày /5/2026
của Cục Hải quan)

1. Bổ sung khoản 2 Điều 3 các quy định: “2. Tang vật vi phạm hành chính là vật, tiền, hàng hóa có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính; không bao gồm vật, tiền, hàng hóa đã khai hải quan theo đúng quy định của pháp luật.”

2. Bổ sung quy định về thời hiệu tại khoản 4 Điều 5: Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15 thì thời hiệu được kéo dài thêm 01 năm so với điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này.

3. Bổ sung một số trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều 7, gồm:

- Người nộp thuế có hành vi khai sai theo quy định tại Điều 10 Nghị định này nhưng đã khai bổ sung trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan;

- Khai bổ sung trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm quyết định thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan, kiểm tra sau thông quan;

- Sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán và trước thời điểm quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan, kiểm tra sau thông quan;

- Khai bổ sung về trị giá hải quan trong thời hạn quy định đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan;

- Khai bổ sung trong thời hạn quy định đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu được thỏa thuận dung sai về số lượng, cấp độ thương mại của hàng hóa mà hàng hóa gửi thừa không vượt quá dung sai và hàng hóa không thừa so với giấy phép, giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành hoặc thừa so với giấy phép, giấy

chứng nhận kiểm tra chuyên ngành nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh số lượng trong thời hạn quy định;

- Người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế theo văn bản hành chính hoặc quyết định xử lý của cơ quan hải quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 37 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

4. Bổ sung một số hành vi vi phạm (tại các Điều 8, 10, 12, 13, 16) tương ứng với các quy định mới về trách nhiệm pháp lý của cá nhân, tổ chức được bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

5. Điểm b khoản 4 Điều 10, cụ thể: “b) Hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 31 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 và khoản 13 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 mà cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.”

6. Bổ sung khoản 5 tại Điều 15 quy định như sau: “5. Hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm đã được Bộ Tài chính, cơ quan hải quan hướng dẫn về mã số, thuế suất, mức thuế đối với hàng hóa có cùng tên hàng, mã số, thuế suất, mức thuế với hàng hóa vi phạm bằng một trong các hình thức sau:

- a) Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn về mã số, thuế suất, mức thuế;
- b) Cơ quan hải quan có thẩm quyền đã có thông báo kết quả phân tích, phân loại hoặc có văn bản xác định trước mã số, thuế suất, mức thuế;
- c) Cơ quan hải quan có thẩm quyền đã xác định mã số, thuế suất, mức thuế đối với hàng hóa và ban hành quyết định ấn định thuế hoặc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai mã số, thuế suất, mức thuế của hàng hóa đó.”

7. Bổ sung khoản 7 Điều 19 quy định như sau: “7. Giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Điều này là giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định về giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa xuất

khẩu, nhập khẩu; điều kiện về chủ thể kinh doanh mà thương nhân phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.”.

8. Bổ sung quy định tại Điều 33, đồng thời bổ sung khoản 7 Điều 34 về thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân để thực hiện xử phạt khi kết thúc quá trình điều tra mà có vụ việc không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì thực hiện xử phạt mà không cần chuyển hồ sơ cho cơ quan hải quan.

9. Bổ sung quy định tại Điều 37 về xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW).

10. Nghị định đã loại bỏ các quy định:

- Bỏ các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP:

+ *Đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh xảy ra trong lĩnh vực hải quan thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.*

+ *Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan không được quy định tại Nghị định này mà được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các văn bản đó.*

- Hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP “*Khai sai so với thực tế về lượng (tàng vật có trị giá trên 10.000.000 đồng), tên hàng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan, xuất xứ, mã số hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp*”

- Hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP “*Vi phạm quy định quản lý hàng hóa trong kho bảo thuế dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ, sổ sách kế toán, hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định này.*”

- Hành vi quy định tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP “*Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thực tế không đúng với khai hải quan về lượng, tên hàng, chủng loại mà không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định của pháp luật hải quan về khai bổ sung, trừ trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định này*”.